

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.

2. Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Hồng M, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm R.N, xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm R.N, xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Mai Hồng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị B được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 3 năm 2007. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Đến cuối năm 2019 vợ chồng sống ly thân. Sau đó chị B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi đi đến nay vợ chồng không còn quan tâm liên lạc đến nhau. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị B, anh xác định chị B không cho anh biết và cả gia đình nhà chị B cũng đều không biết nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị B ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay vợ chồng không có sự liên lạc và yêu thương nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn anh có nguyện vọng được ly hôn với chị B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Tuấn H, sinh ngày 16/9/2007. Hiện đang ở cùng anh M tại xóm R.N, xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 21/4/2023 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Hoàng Đình Giới, sinh năm 1967; Địa chỉ: Xóm R.N, xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên là bố đẻ của chị Hoàng Thị B, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông có thông tin cho chị B được biết việc anh M đang yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị B có gọi điện về trực tiếp trao đổi lại và có gửi văn bản trả lời quan điểm của chị đối với việc anh M xin ly hôn. Chị thể hiện quan điểm như sau: “Về quan hệ hôn nhân như anh M trình bày trong hồ sơ vụ án là đúng. Chúng tôi được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc tới năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính chất công việc của cả hai làm cho chúng tôi không có thời gian bên nhau, chăm sóc nhau tạo nên sự khác biệt về lối sống, tính cách không hòa hợp làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng nhưng chúng tôi vẫn không tìm được biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo cuộc sống

chung và đều thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi được biết anh M xin ly hôn, tôi cũng nhất trí. Về con chung như anh M đã khai là đúng. Hiện nay tôi đang ở nước ngoài nên khi giả quyết ly hôn tôi đồng ý để anh M được nuôi con của chúng tôi. Về cấp dưỡng chị B đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu giả quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giả quyết. Hiện chị đang ở nước ngoài không về nước để giả quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giả quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:

- Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo thụ lý vụ án và tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định của BLTTDS.

- Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Đề xuất quan điểm giả quyết vụ án: - Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 28, 37, 147 của BLTTDS; các Điều 55, 56, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Mai Hồng M, cho anh M được ly hôn với chị Hoàng Thị B. Về con chung: Anh chị có con chung là cháu: Mai Tuấn H, sinh ngày 16/9/2007. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng và giáo dục con, nên cần giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở; cháu H cũng có đơn yêu cầu được bố trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn góp phí tổn nuôi con chung do anh M không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giả quyết. Án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giả quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 3304/QLXNC-P5 ngày 23/3/2022 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Thái Nguyên xác định công dân bà Hoàng Thị B, đã xuất cảnh

ngày 21/01/2019 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Mai Hồng M chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị B ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị B ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị B là ông Hoàng Đình Giới (bố đẻ chị B), có đủ căn cứ xác định chị B vẫn liên hệ với ông nhưng ông cũng không cung cấp được địa chỉ của chị B và chị B cũng đã có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án và xin xét xử, giải quyết vắng mặt chị. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Việc kết hôn giữa anh Mai Hồng M và chị Hoàng Thị B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh M khai: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Sau đó chị B đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài. Từ đó đến nay vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương nhau. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Phía bị đơn chị B, chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ trước, không thể hòa giải được. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, anh M xin ly hôn chị nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh M và chị B đã không còn tình cảm vợ chồng, cũng không còn quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M, cho anh M được ly hôn chị B là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh M và chị B đều khai vợ chồng có 01 con chung là Mai Tuấn H, sinh ngày 16/9/2007. Hiện đang ở cùng anh M tại xóm R.N, xã Đ.T, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn anh M có nguyện vọng được nuôi con chung và thông qua quan điểm của chị B gửi về Tòa án xác định chị B cũng nhất trí để anh M trực tiếp nuôi con, do hiện nay chị đang ở nước ngoài không thể chăm sóc cho con chung được. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn,

Hội đồng xét xử giao thấy cần tiếp tục giao con chung là Mai Tuấn H, sinh ngày 16/9/2007 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn và nguyện vọng của cháu H tại bản tự khai ngày 02/5/2023, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, chị B nhất trí vì bản thân chị hiện đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh M không yêu cầu.

Chị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh M xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị B cũng có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh M phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Mai Hồng M. Cho anh Mai Hồng M được ly hôn với chị Hoàng Thị B.

2. Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:

- *Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho anh Mai Hồng M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Mai Tuấn H, sinh ngày 16/9/2007 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị B, do anh M chưa có yêu cầu.

- *Về thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:* Chị B là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, chị B có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Tòa án không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Mai Hồng M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số theo biên lai thu tiền số 0000243 ngày 10/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh Mai Hồng M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Hoàng Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Đ.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ích Yên